TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08/ 02/ 2023
V/v: " Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Trung Kiên
  2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 08/02/2023. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 07/23/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Lường Thị N - Sinh năm 2000.(có mặt).

Trú tại: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. **Bị đơn**: Anh Cà Văn P - Sinh năm 1998. Hộ khẩu thường trú: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/10/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, Chị Lường Thị N (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Phòng tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hẹ M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 16/7/2018 hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày cưới đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng chí hướng không có tiếng nói chung. Nguyên nhân nữa làm cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn là do anh Phòng không tu trí làm ăn lười lao động thường xuyên uống rượu bia và đánh đập bạo hành tôi. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng anh P vẫn không thay đổi

Tôi xét tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn.

2. Về con chung: Chị N khai vợ chồng có 02 con chung là: Cà Manh T, sinh ngày 12/9/2018 và Cà Thị Bảo T sinh ngày 17/4/2020 sau khi ly hôn chị N

xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh Phòng phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; và diện tích ruộng nương: Chị N khai không có.

Ngày 07/10/2022, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị N cho anh P biết. Giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh P.Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh P không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án án hợp lệ cho anh P. Nhưng anh P vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 07/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Cà Văn P đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Cà Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi 2 con chung và không yêu cầu anh Phòng cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh Phòng đã được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn và nguyên đơn có địa chỉ tại bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177 BLTTDS, việc anh Phòng không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Phòng đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn P và chị Lường Thị N tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ , tỉnh Điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị N và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã H M xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh P và chị N tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và một nguyên nhân chính là anh P không tu trí làm ăn lười lao động thường xuyên uống rượu bia không còn yêu thương, tôn trọng nhau, và đánh đập bạo hành chị N, hai gia đình

đã hòa giải nhưng không thành anh P không thay đổi được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này. Bản thân chị N xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phòng.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị N và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị bỏ mặc không quan tâm nhau, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị N cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị N và anh Cà Văn P

[3] Về con chung: Chị Ngân có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là: Cà Manh T, sinh ngày 12/9/2018 và Cà Thị Bảo T sinh ngày 17/4/2020.

Xét thấy hiện tại chị N mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung hiện các cháu còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã H anh P thường xuyên uống rượu, lười lao động bỏ mặc không quan tâm vợ con. Điều này thể hiện qua việc triệu tập và qua quá trình giải quyết vụ án anh Phòng cũng không đến Tòa khai về việc muốn nuôi các con.Như vậy không đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị Ngân. Giao 02 con cho chị Ngân được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Phòng có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có.

[6] Về án phí: Chị N là dân tộc sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị N được ly hôn với anh Cà Văn P

2. Về con chung: Chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục 02 con chung cháu Cà Manh T, sinh ngày 12/9/2018 và Cà Thị Bảo T sinh ngày

17/4/2020 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị N không yêu cầu anh không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị chị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Hẹ M;
- Lưu.

Bạc Thị Liên